

## DỰ THẢO 2.0

Cập nhật 2024.08.29

NGHỊ QUYẾT  
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

## Về chuyển đổi số quốc gia và xây dựng Việt Nam số

## I- BỐI CẢNH, TÌNH HÌNH

Sự phát triển nhanh, đột phá của công nghệ số trở thành cuộc cách mạng làm thay đổi cách thức con người tương tác với thông tin, dữ liệu; cách sống, cách làm việc và quản trị xã hội. Đây không chỉ là sự tiếp nối của giai đoạn ứng dụng công nghệ thông tin trước đây, mà là một bước tiến vượt bậc, mang tính chất đột phá, đòi hỏi sự thay đổi toàn diện, từ tư duy, cách tiếp cận đến phương thức tổ chức thực hiện, thể hiện trên những khác biệt căn bản: (1) Chuyển trọng tâm từ chính quyền sang trọng tâm là người dân, từ tổ chức sang nhân viên, từ doanh nghiệp sang khách hàng; (2) Chuyển từ phần mềm riêng lẻ sang nền tảng số dùng chung; (3) Chuyển từ ứng dụng công nghệ sang thay đổi cách làm việc; (4) Chuyển từ cách làm từng phần sang làm toàn diện; (5) Chuyển trọng tâm từ người phụ trách công nghệ thông tin sang người đứng đầu cơ quan, tổ chức; (6) Chuyển từ máy tính riêng lẻ sang điện toán đám mây; (7) chuyển từ đầu tư sang thuê; (8) Chuyển đổi từ dữ liệu có cấu trúc sang dữ liệu phi cấu trúc.

Từ công nghệ thông tin truyền thống sang công nghệ số, là công nghệ thông tin và các công nghệ mới (Trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật, dữ liệu lớn, chuỗi khối,...); từ ứng dụng công nghệ thông tin, chủ yếu tập trung vào việc tối ưu hóa các quy trình hiện có, sang chuyển đổi số, là tích hợp công nghệ số để tạo ra những khả năng hoàn toàn mới, các mô hình sản xuất, kinh doanh mới và cách thức mới để vận hành, quản trị đất nước, xã hội, giải quyết các bài toán thiên niên kỷ. Chuyển đổi số trở thành xu thế của thời đại, đang khai mở các đổi mới sáng tạo, thúc đẩy tăng trưởng, tạo ra phương thức quan hệ xã hội mới. Nhiều quốc gia trên thế giới xác định chuyển đổi số là cơ hội và ưu tiên nguồn lực để phát triển, thay đổi thứ hạng và vị thế quốc gia.

Trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước, Đảng và Nhà nước ta luôn coi trọng vai trò của công nghệ thông tin trước đây và chuyển đổi số hiện nay. Chủ trương đó đã được nhấn mạnh trong nhiều nghị quyết của Đảng, Nhà nước

và cụ thể hóa trong các nghị quyết của Chính phủ, chương trình, đề án Thủ tướng Chính phủ. Nghị quyết số 36-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa XI) ngày 01/7/2014 về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế xác định “*Công nghệ thông tin là một công cụ hữu hiệu tạo lập phương thức phát triển mới và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới...*”; Nghị quyết số 52-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa XII) ngày 27/9/2019 về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đề cập “*Xác định nội dung cốt lõi của chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư của nước ta là thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên tất cả các ngành, lĩnh vực và thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia, trọng tâm là phát triển kinh tế số, xây dựng đô thị thông minh, chính quyền điện tử, tiến tới chính quyền số*”; Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng chủ trương “*Thực hiện chuyển đổi số quốc gia một cách toàn diện để phát triển kinh tế số, xây dựng xã hội số*”; Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022, Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đề ra quan điểm chỉ đạo “*chuyển đổi số là phương thức mới có tính đột phá để rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa*”; Thủ tướng Chính phủ đã ban hành các quyết định chi tiết hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp triển khai chuyển đổi số quốc gia trên cả 03 trụ cột Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

Thực hiện chủ trương, chính sách, chỉ đạo của Đảng và Nhà nước về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin, chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số và xã hội số, các cấp, các ngành đã tích cực triển khai, đạt được nhiều kết quả lớn: Công nghệ thông tin được ứng dụng rộng rãi, trở thành công cụ thiết yếu trong hoạt động của mọi cơ quan, tổ chức, các ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội; Hệ thống văn bản pháp luật, cơ chế, chính sách, quy trình và tiêu chuẩn, quy chuẩn cho ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin được quan tâm xây dựng, ban hành cơ bản đầy đủ, toàn diện, phù hợp với xu thế phát triển; Nguồn nhân lực công nghệ thông tin Việt Nam đang từng bước khẳng định vị trí cao trên các bảng xếp hạng toàn cầu, đáp ứng nhu cầu về chất lượng cho thị trường trong nước và thế giới; Công nghiệp công nghệ thông tin trở thành ngành kinh tế - kỹ thuật có quy mô lớn, có tốc độ tăng trưởng nhanh, đóng góp khoảng 7% GDP; Chuyển đổi số bước đầu đã đi vào cuộc sống, trở thành công cuộc toàn dân, toàn diện, xuyên suốt từ Trung ương đến địa phương; nhận thức và hành động về chuyển đổi số quốc gia được chuyển biến tích cực, có sự lan tỏa ở các cấp, nhất là người đứng đầu; hạ tầng quốc gia, hạ tầng viễn thông - Internet không ngừng được đầu tư, công nghệ hiện đại ngang tầm các nước phát triển; các hệ thống thông tin, các cơ sở dữ liệu, các nền tảng số được phát triển và khai thác; Chính phủ số được triển

khai mạnh mẽ; kinh tế số, xã hội số tăng trưởng nhanh và an toàn thông tin, an ninh mạng tiếp tục được quan tâm, các doanh nghiệp Việt Nam dần làm chủ hệ sinh thái an toàn thông tin mạng; Hoạt động hợp tác quốc tế về công nghệ thông tin được đẩy mạnh và tăng cường ở nhiều mặt, góp phần phát triển, nâng cao hình ảnh và vị thế của ngành công nghệ thông tin Việt Nam.

Tuy chuyển đổi số bước đầu đã **có thành công**, nhưng **chưa đồng đều**. Một số **người đứng đầu** còn **chưa có kinh nghiệm, chưa tham gia trực tiếp, chỉ đạo** đề án, dự án chuyển đổi số cụ thể. Các Bộ, ngành, địa phương cơ bản **chưa có đề án đột phá về chuyển đổi số**. Các **chính sách** tạo hành lang, môi trường pháp lý để thúc đẩy việc áp dụng các công nghệ mới (*trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối, tài sản số, dữ liệu số*) **chưa theo kịp yêu cầu thực tiễn**. **Chất lượng, hiệu quả** trong cung cấp, sử dụng dịch vụ công trực tuyến **chưa cao**. Tỷ lệ hồ sơ dịch vụ công trực tuyến toàn trình **còn thấp**. Nhiều ứng dụng công nghệ thông tin được phát triển, tuy nhiên còn rời rạc, **chưa hình thành nền tảng số quy mô lớn, dùng chung**; Dữ liệu đã hình thành, nhưng còn **cát cứ, chưa kết nối, chia sẻ và khai thác hiệu quả**. **Tỷ lệ doanh nghiệp số/tổng dân số còn thấp**; đa số doanh nghiệp còn nhỏ; chưa làm chủ công nghệ lõi, công nghệ cao. **An toàn thông tin, an ninh mạng còn nhiều thách thức**. **Nhân lực cho chuyển đổi số còn thiếu và yếu, chưa đồng đều, nhất là nhân lực trình độ cao và trong các ngành kinh tế mới nổi**.

Những hạn chế nêu trên có những nguyên nhân chủ quan và khách quan; trong đó, nguyên nhân chủ quan là chính. Công tác chuyển đổi số vẫn **chưa được quan tâm đúng mức**; chưa thống nhất nhận thức, đổi mới tư duy, phương pháp luận, cách tiếp cận và tổ chức thực hiện; **phân công nhiệm vụ chưa rõ việc, rõ trách nhiệm**; thiếu công cụ theo dõi, đánh giá hiệu quả việc thực hiện các chỉ đạo, dẫn đến kết quả, hiệu quả còn thấp; **kỷ luật, kỷ cương chưa nghiêm**; sự lãnh đạo chỉ đạo tổ chức thực hiện ở một số bộ, ngành, địa phương còn **thiếu quyết liệt, sâu sát**, cụ thể, thiếu quyết tâm chính trị, vai trò người đứng đầu chưa được phát huy; **chưa có sự phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan**, đơn vị trong xử lý vướng mắc, bất cập có tính chất liên ngành; vẫn còn tình trạng đùn đẩy, tâm lý e dè, sợ sai, sợ trách nhiệm.

## II- QUAN ĐIỂM

**1. Chuyển đổi số là phương thức mới** có tính đột phá để rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa; là **động lực** để thúc đẩy thay đổi phương thức sản xuất, sinh hoạt, quản lý xã hội và tạo lợi thế cạnh tranh quốc gia mới; là **sự nghiệp** của toàn dân, toàn xã hội và cả hệ thống chính trị.

**2. Chuyển đổi số với trọng tâm là ba trụ cột Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số để xây dựng Việt Nam số** hiện đại thông qua **chuyển đổi số toàn diện, đồng bộ** các lĩnh vực *kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội và môi trường*, góp phần đưa Việt Nam trở thành nước phát triển vào năm 2045.

**3. Chuyển đổi số dựa trên hai nền tảng** là hạ tầng số và dữ liệu số. **Hạ tầng số bao gồm bốn thành phần** *hạ tầng viễn thông - internet, hạ tầng dữ liệu, hạ tầng vật lý-số và hạ tầng tiện ích số* phải được quan tâm và xây dựng trước một bước. **Dữ liệu số** là tài nguyên cần được khai thông, giải phóng tiềm năng để đưa vào thương mại hóa; được xác lập quyền sở hữu, định giá và phân phối.

**4. Tăng cường thí điểm, thử nghiệm có kiểm soát** các công nghệ mới, mô hình kinh doanh, mô hình quản trị mới; lấy kết quả thực tiễn chứng minh là đúng, là hiệu quả thì xây dựng thể chế để phổ cập.

**5. Làm chủ công nghệ số; an toàn, ninh mạng, giữ vững chủ quyền số quốc gia trên không gian mạng** là điều kiện tiên quyết xây dựng thành công Việt Nam số.

### III- MỤC TIÊU

#### 1. Mục tiêu tổng quát

**Việt Nam trở thành quốc gia số** hiện đại, thông minh, phát triển bền vững, an toàn, thuộc nhóm các nước phát triển trên thế giới. Công nghệ số được **tích hợp sâu rộng, làm thay đổi toàn diện hoạt động trong các lĩnh vực** *kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội và môi trường* góp phần nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh quốc gia, chất lượng cuộc sống, chỉ số phát triển con người Việt Nam; giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường sinh thái; bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh và nâng cao khả năng phòng thủ quốc gia trong chiến tranh mạng.

#### 2. Mục tiêu cụ thể đến 2030

**Chuyển đổi số góp phần quan trọng thực hiện sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước:** (1) Triển khai có hiệu quả chương trình chuyển đổi số lĩnh vực chế tạo, sản xuất, chế biến để thực hiện công nghiệp hóa; (2) Thực hiện chuyển đổi số toàn diện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và môi trường để hiện đại hóa đất nước.

**Hạ tầng số được xây dựng tiên tiến, hiện đại với dung lượng siêu lớn, băng thông siêu rộng, phổ cập, bền vững, xanh, thông minh, mở và an toàn.** Việt Nam thuộc nhóm **50** quốc gia dẫn đầu theo bộ chỉ số Phát triển công nghệ thông tin (IDI) của Liên minh Viễn thông quốc tế (ITU). Xây dựng các đô thị

thông minh, phát triển Việt Nam thành trung tâm số (**Digital Hub**) của khu vực. *Hệ thống truyền dẫn trong nước và quốc tế với **dung lượng lớn, kết nối đa dạng, an toàn, bền vững**. Hạ tầng mạng truy cập băng rộng cố định tốc độ cao, **mạng băng rộng di động 5G** và thế hệ tiếp theo tiếp tục được đầu tư, mở rộng, phủ sóng rộng khắp.*

**Hoàn thành xây dựng Chính phủ số**, đứng trong nhóm **50** quốc gia hàng đầu thế giới và **xếp thứ ba trong khu vực ASEAN theo Liên Hợp quốc**. Phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành tạo ra dịch vụ Chính phủ số liền mạch, toàn trình cho người dân và doanh nghiệp.

**Phát triển dữ liệu và kinh tế dữ liệu** đóng vai trò quan trọng trong quản lý đất nước và phát triển kinh tế - xã hội; **hạ tầng dữ liệu quốc gia, với nền tảng là các trung tâm dữ liệu quốc gia, các cơ sở dữ liệu quốc gia được xây dựng và kết nối, khai thác hiệu quả; tốc độ phát triển kinh tế dữ liệu đạt tốc độ bình quân gấp 3 lần tăng trưởng GDP; hình thành một số sàn giao dịch dữ liệu; các bộ, ngành, lĩnh vực hoàn thành xây dựng bộ dữ liệu ngành lĩnh vực và có các kịch bản ứng dụng điển hình.**

**Quy mô kinh tế số chiếm ít nhất 30% GDP. Lĩnh vực công nghiệp công nghệ số đóng góp tối thiểu 8% GDP;** Việt Nam trở thành **trung tâm phát triển một số ngành, lĩnh vực công nghiệp công nghệ số có lợi thế** như: bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, công nghiệp điện tử thế hệ mới. **Tích hợp sâu rộng công nghệ số với các ngành, lĩnh vực kinh tế thực**, tập trung vào các lĩnh vực quan trọng như dịch vụ, tài chính, công nghiệp, năng lượng, giao thông vận tải, nông nghiệp, giáo dục, y tế, môi trường.

Hình thành một số tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam mạnh, có năng lực cạnh tranh trong khu vực và trên thế giới. Xây dựng hệ sinh thái các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam đi ra nước ngoài.

**Xã hội số Việt Nam phát triển đạt mức cao của thế giới**, người dân có đủ năng lực, kỹ năng số để trở thành công dân số, tham gia sáng tạo và sử dụng các dịch vụ số, tham gia thị trường lao động toàn cầu; giải quyết các vấn đề về phát triển bao trùm, bền vững.

**Văn hóa số được tạo lập, phát triển lành mạnh**, với nhiều sản phẩm, dịch vụ văn hóa số chất lượng cao, tích cực, lành mạnh và hướng thiện góp phần xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học.

**Hình thành văn minh sinh thái số thông minh và xanh.** Chuyển đổi mạnh mẽ và sử dụng công nghệ số để quản trị các hoạt động phòng, chống thiên tai, ứng

phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Hình thành một số hệ thống, nền tảng quốc gia quản lý tài nguyên thiên nhiên.

**Phát triển nguồn nhân lực công nghệ số** đạt chuẩn quốc tế, bảo đảm đáp ứng nhu cầu trong nước về số lượng và chất lượng, có khả năng cung cấp nguồn nhân lực công nghệ số chất lượng cao cho khu vực và thế giới.

**Nâng cao năng lực nghiên cứu, làm chủ công nghệ số; bảo đảm an toàn, an ninh mạng, giữ vững chủ quyền, bảo vệ quốc gia, bảo vệ chế độ trên không gian mạng** góp phần bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ. **Duy trì thứ hạng 25 về Chỉ số An toàn không gian mạng** toàn cầu (Chỉ số GCI) theo đánh giá của Liên minh Viễn thông Quốc tế.

### 3. Tầm nhìn đến 2045

**Năng lực và trình độ xây dựng Việt Nam số đạt được nhiều thành tựu lớn trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội và môi trường; góp phần quan trọng để đưa Việt Nam trở thành nước phát triển, thu nhập cao theo định hướng xã hội chủ nghĩa; Việt Nam thuộc nhóm 30 nước dẫn đầu về Chính phủ điện tử, Chính phủ số** theo đánh giá của Liên Hợp quốc; **quy mô kinh tế số chiếm ít nhất 50% GDP; hạ tầng số tiên tiến, hiện đại, ngang tầm với các nước phát triển trên thế giới; Việt Nam trở thành một trong các trung tâm công nghiệp công nghệ số của khu vực và thế giới.**

## IV- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

**1. Thống nhất nhận thức và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về chuyển đổi số**

Tăng cường vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng trong thực hiện chuyển đổi số. **Phát huy đầy đủ vai trò của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số, Ban Chỉ đạo chuyển đổi số các cấp. Người đứng đầu các cấp, các ngành phải tiên phong, đi đầu trong việc chuyển đổi số, chịu trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo triển khai chuyển đổi số; trực tiếp sử dụng kết quả chuyển đổi số.**

**Chuyển đổi số là một trụ cột bắt buộc, đồng thời được tích hợp sâu rộng** trong nội dung khác của các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm và giai đoạn **nhằm tạo sự đột phá.**

**Quán triệt sâu rộng, thường xuyên, phù hợp** trong các tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể nhân dân, doanh nghiệp và toàn xã hội về chuyển đổi số.

**Các cơ quan thông tin đại chúng** tăng cường và đổi mới công tác tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức chuyển đổi số. **Đẩy mạnh thí điểm, thử**

**thử nghiệm có kiểm soát** các công nghệ, mô hình chuyển đổi số; **lựa chọn mô hình thành công, có tính phổ quát cao để nhân rộng**, kết hợp **thể chế hóa**, yêu cầu **bắt buộc** và triển khai đồng bộ.

## **2. Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện pháp luật, cơ chế, chính sách thúc đẩy chuyển đổi số**

Xây dựng khung khổ pháp lý đáp ứng yêu cầu chuyển dịch không gian thực lên không gian số; **bảo đảm mỗi bộ luật, quy định của các ngành, các lĩnh vực phải có quy định, điều chỉnh hoạt động trên môi trường số.**

**Hoàn thiện khung khổ pháp lý**, thử nghiệm cơ chế, chính sách đặc thù để thúc đẩy quá trình chuyển đổi số.

**Nghiên cứu, xây dựng và triển khai cơ chế thử nghiệm có kiểm soát, miễn trừ một số trách nhiệm có điều kiện** để thử nghiệm công nghệ, sản phẩm, dịch vụ hoặc mô hình kinh doanh mới trong một số lĩnh vực nhằm khuyến khích hoạt động chuyển đổi số và làm cơ sở đánh giá, hoàn thiện trước khi đưa vào ứng dụng chính thức.

Thể chế hóa các mô hình, giải pháp chuyển đổi số thí điểm, thử nghiệm có kiểm soát đã thành công để phổ cập tới các ngành, lĩnh vực, các địa phương.

**Hoàn thiện cơ chế về tài chính và đầu tư** cho chuyển đổi số, phát triển công nghiệp công nghệ số, nền tảng số. **Cơ chế cho phép sử dụng ngân sách nhà nước để đầu tư, xây dựng nền tảng số có quy mô quốc gia, vùng được sử dụng chung nhiều cơ quan, tổ chức. Cơ chế cho phép giữ lại các nguồn thu từ đấu giá tài nguyên viễn thông hoặc có nguồn ngân sách để hỗ trợ phát triển hạ tầng số.**

Xây dựng thể chế dữ liệu để xác lập quyền sở hữu, định giá, phân phối; **Nhà nước có cơ chế định giá linh hoạt, phù hợp dữ liệu lĩnh vực công để khai thác hiệu quả nguồn dữ liệu**, tạo điều kiện phát triển dữ liệu, kinh tế dữ liệu và kinh tế - xã hội. Dữ liệu của doanh nghiệp không chứa thông tin cá nhân thì doanh nghiệp được sở hữu, kinh doanh; dữ liệu của doanh nghiệp có thông tin cá nhân và đã bỏ thông tin cá nhân thì doanh nghiệp được kinh doanh; dữ liệu cá nhân được uỷ quyền kinh doanh, không uỷ quyền một lần. Hoàn thiện thể chế về quản lý, sử dụng tài sản số.

Bố trí nguồn vốn cho chuyển đổi số, hướng tới **mục tiêu chi ngân sách nhà nước cho chuyển đổi số đạt khoảng 3%.**

**Phát triển một số tập đoàn kinh tế, doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân trong nước có quy mô lớn**, hoạt động hiệu quả, có năng lực

cạnh tranh quốc tế, đóng vai trò dẫn dắt, trụ cột trong phát triển hạ tầng số.

**Tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước lĩnh vực hạ tầng viễn thông, thực hiện cổ phần hóa theo lộ trình.**

**Tăng cường cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ** cho một số tập đoàn, doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư nhân.

**Xây dựng cơ chế chính sách thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu và phát triển (R&D) trong lĩnh vực hạ tầng số.**

**Rà soát, bổ sung các cơ chế chính sách ưu đãi đầu tư** đối với các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng số sử dụng giải pháp, công nghệ tiết kiệm năng lượng, thân thiện môi trường; Cơ chế chính sách ưu đãi cho phát triển, sản xuất sản phẩm công nghệ số, hoạt động ứng dụng sản phẩm công nghệ số.

**Xây dựng chính sách thu hút và đãi ngộ**, hệ thống chức danh, vị trí việc làm phù hợp đối với cán bộ, công chức, viên chức chuyển đổi số và an toàn, an ninh mạng.

Tăng cường hoạt động **thuê các chuyên gia** (công nghệ thông tin, an toàn, an ninh mạng, công nghệ mới) khó thu hút và thiếu hụt trong cơ quan nhà nước với thời hạn thuê phù hợp; Xây dựng chính sách cho phép bố trí một phần ngân sách nhà nước để thuê chuyên gia.

**Xây dựng và hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chuyển đổi số.**

### **3. Xây dựng hạ tầng số tiên tiến, hiện đại, xanh, thông minh, mở và an toàn**

**Ưu tiên nguồn lực, triển khai hiệu quả quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông.** Tăng cường đầu tư phát triển các hệ thống truyền dẫn quốc tế (cáp quang biển, đất liền, vệ tinh), truyền dẫn trong nước dung lượng lớn, bảo đảm nhu cầu dự phòng, kết nối đa dạng, an toàn, bền vững.

Tận dụng cơ sở hạ tầng hiện có, **tiếp tục xây dựng và mở rộng mạng cáp quang băng rộng tốc độ cao** đến các thôn, bản trên cả nước, thực hiện phổ cập sẵn sàng kết nối cáp quang băng rộng đến hộ gia đình có nhu cầu; hạ tầng viễn thông băng rộng cố định bảo đảm cung cấp kết nối tốc độ trên 1 Gigabit/giây đến người sử dụng. Phát triển mạng 5G và các thế hệ tiếp theo.

**Phát triển, thu hút đầu tư phát triển hạ tầng dữ liệu, bao gồm: các trung tâm dữ liệu, hạ tầng điện toán đám mây đạt tiêu chuẩn quốc tế, an toàn, bền vững, theo tiêu chuẩn xanh.**



**Phát triển hạ tầng vật lý - số:** Thúc đẩy tích hợp các cảm biến Internet vạn vật (IoT) vào các cơ sở hạ tầng truyền thống như **giao thông vận tải, năng lượng, hậu cần (logistics), chính quyền thành phố, y tế và giáo dục, trong quy hoạch và xây dựng cơ sở hạ tầng công cộng. Hình thành một số thành phố lớn triển khai Bản sao số (Digital Twins) mô phỏng toàn bộ thế giới thực, gồm trên không, trên mặt đất, hạ tầng ngầm, kết hợp các dữ liệu môi trường, địa chất, dân số, hoạt động di chuyển, ... ánh xạ trên môi trường số để quản lý, phát triển kinh tế - xã hội.**

**Đẩy mạnh phát triển hạ tầng tiện ích số,** trọng tâm là các nền tảng: định danh và xác thực điện tử, thanh toán điện tử, hóa đơn điện tử, chia sẻ dữ liệu và các nền tảng số khác có tính hạ tầng **để thúc đẩy phát triển các dịch vụ số.**

Đầu tư, nâng cao năng lực về **giám sát mạng lưới đến từng nút mạng** và triển khai tích hợp sẵn yêu cầu an toàn, an ninh mạng ngay từ khi thiết kế, xây dựng hạ tầng số. Tăng cường **bảo đảm an toàn, an ninh mạng cho các hạ tầng thông tin quan trọng quốc gia.**

**Kết nối, đồng bộ giữa các quy hoạch liên quan đến hạ tầng thông tin và truyền thông với các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và không gian quốc gia, với quy hoạch, kế hoạch về công trình năng lượng.**

#### **4. Nâng cao năng lực quản trị số quốc gia, phát triển Chính phủ số**

##### **(1) Quản trị số quốc gia**

**Chuyển đổi số toàn diện** hoạt động của các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, thực hiện quản lý, điều hành, hoạt động trực tuyến dựa trên dữ liệu.

**Chuyển đổi số trong tất cả các ngành, lĩnh vực** nhất là các ngành kinh tế, chế tạo, kỹ thuật để nâng cao năng lực quản trị và cạnh tranh. Chuyển đổi số trong xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội quan trọng. Tăng cường chuyển đổi số trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và quản trị toàn diện hoạt động của các doanh nghiệp, trọng tâm là các tập đoàn, tổng công ty nhà nước và các doanh nghiệp lớn.

##### **(2) Chính phủ số**

**Nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ số cho người dân và doanh nghiệp, hướng tới cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình,** dựa trên cá nhân hóa và dựa trên dữ liệu, **người dân chỉ phải cung cấp một lần khi thực hiện thủ tục hành chính.**

**Xây dựng môi trường, phát triển công cụ làm việc dựa trên dữ liệu và**

**công nghệ số** cho cán bộ, công chức, viên chức; hướng tới đưa **toàn bộ hoạt động** của cơ quan nhà nước lên môi trường số.

Phát triển dữ liệu **trong cơ quan nhà nước**, tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị, **đẩy mạnh cung cấp dữ liệu mở**.

**Kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số, hình thành mạng lưới chuyển đổi số từ Trung ương đến địa phương.**

**Tập huấn, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức các kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu, năng lực kiến tạo phát triển, dẫn dắt chuyển đổi số trong từng ngành, lĩnh vực, địa phương.**

### **5. Phát triển công nghiệp công nghệ số, làm chủ công nghệ lõi**

**Phát triển kinh tế số công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) trở thành xương sống**, đóng vai trò trọng yếu tạo nên phát triển kinh tế số và xã hội số.

**Phát triển công nghiệp bán dẫn, gắn với đột phá trong một số lĩnh vực chính:** công nghiệp điện tử, công nghiệp viễn thông, công nghiệp ô tô, y tế, năng lượng, nông nghiệp, công nghiệp quốc phòng, an ninh.

**Nâng cao năng lực làm chủ công nghệ số**, nghiên cứu, sáng tạo sản phẩm, dịch vụ công nghệ số thiết kế, sản xuất trong nước có chất lượng và thương hiệu Việt, đặc biệt các sản phẩm lõi, công nghệ số, an toàn, an ninh mạng.

**Nâng tỷ trọng chi ngân sách nhà nước** cho nghiên cứu - phát triển các công nghệ nền, khoa học cơ bản về công nghệ số.

**Triển khai các chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm quốc gia**, chương trình mục tiêu quốc gia về công nghệ số, tập trung vào các công nghệ mới mang tính chiến lược.

**Đặt hàng, giao nhiệm vụ** nghiên cứu các công nghệ lõi về công nghệ số phục vụ các lợi ích kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh, năng lượng.

**Xây dựng các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia**, trung tâm tính toán hiệu năng cao; xây dựng cơ chế cho các doanh nghiệp, đặc biệt doanh nghiệp nhỏ và vừa cùng khai thác sử dụng.

**Đẩy mạnh phát triển hệ thống Khu công nghệ thông tin tập trung** tạo không gian phát triển cho doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghệ số, tạo môi trường nghiên cứu, thử nghiệm áp dụng các công nghệ mới.

**Xây dựng năng lực đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực bán dẫn**, coi đổi mới

sáng tạo là định hướng chính trong sản xuất và phát triển công nghiệp bán dẫn, tập trung, chú trọng vào trí tuệ nhân tạo.

**Tăng cường số lượng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đưa Việt Nam trở thành trung tâm nhân lực công nghệ số, bán dẫn toàn cầu.**

**Thu hút các doanh nghiệp có đầu tư nước ngoài** tại Việt Nam trong việc thiết kế, sản xuất các sản phẩm công nghệ số có hàm lượng công nghệ cao.

**6. Tăng cường ứng dụng, tích hợp công nghệ số với kinh tế thực để hình thành kinh tế số phát triển nhanh, đóng góp tỷ trọng lớn cho GDP**

**Phát triển kinh tế số ngành, lĩnh vực tạo không gian mới để Việt Nam phát triển bút phá kinh tế số, đưa kinh tế số trở thành lợi thế cạnh tranh quốc gia.** Lựa chọn một số ngành, lĩnh vực tiềm năng, dư địa lớn để phát triển kinh tế số bao gồm: **nông nghiệp; tài chính, giáo dục, y tế, giao thông, năng lượng, du lịch; logistics và công nghiệp chế biến, chế tạo.**

Xây dựng và triển khai mô hình thí điểm phát triển kinh tế số tại một số địa phương phù hợp với điều kiện và định hướng phát triển; tổng kết, phổ biến và nhân rộng mô hình thành công.

**Đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử, hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia vào thị trường thương mại điện tử, cải thiện hạ tầng thanh toán và logistics.**

**Hình thành các doanh nghiệp, doanh nhân công nghệ mới, có năng lực làm chủ thị trường và vươn mình ra quốc tế.** Phát huy vai trò chủ lực, tiên phong, dẫn dắt của các Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước trong chuyển đổi số mô hình hoạt động, hình thành hệ sinh thái các doanh nghiệp công nghệ, đổi mới sáng tạo cùng phát triển.

**Phát triển kinh tế số gắn với kinh tế xanh** thông qua việc sử dụng năng lượng sạch, công nghệ thân thiện môi trường, giảm thiểu phát thải khí nhà kính. Đồng thời, **chuyển đổi số để chuyển đổi xanh.**

**7. Thúc đẩy phát triển dữ liệu và kinh tế dữ liệu**

**Tập trung nguồn lực đầu tư, đưa vào khai thác các cơ sở dữ liệu quốc gia, mỗi cơ sở dữ liệu quốc gia cần một đề án để thúc đẩy việc khai thác hiệu quả dữ liệu. Phát triển đồng bộ cơ sở dữ liệu của các cơ quan trong hệ thống chính trị gắn với kịch bản khai thác và sử dụng. Trọng tâm là dữ liệu phục vụ: các cơ quan Đảng ở Trung ương và địa phương; Quốc hội số; Chính phủ số; Tòa án số; Viện kiểm soát số.**

**Rà soát, loại bỏ các quy định dẫn đến cản trở dữ liệu; đảm bảo kết nối, liên thông giữa cơ quan trong hệ thống chính trị; tạo điều kiện người dân,**

doanh nghiệp khai thác để tạo ra giá trị mới. **Bảo đảm cân bằng, hài hòa giữa quản lý và phát triển; giữa bảo vệ dữ liệu cá nhân với khai thác, giải phóng tiềm năng dữ liệu.**

**Xây dựng và hoàn thành các bộ dữ liệu ngành, lĩnh vực phục vụ kinh tế số, xã hội số với các kịch bản ứng dụng điển hình, có tính lan tỏa rộng, trong các ngành:** nông nghiệp; công nghiệp, thương mại và năng lượng; di sản văn hóa, di tích quốc gia; bảo hiểm xã hội; thị trường lao động việc làm; ngành giáo dục; y tế, giao thông, tài nguyên môi trường;...

Triển khai hiệu quả **chiến lược dữ liệu quốc gia, và của các bộ, ngành, địa phương, tổ chức** theo từng giai đoạn, thời kỳ để thúc phát triển dữ liệu, kinh tế dữ liệu.

### **8. Xây dựng xã hội số để người dân hạnh phúc hơn**

**Phát triển các dịch vụ số cho người dân, bảo đảm người dân dễ tiếp cận, an toàn** với các dịch vụ giáo dục, y tế...; **ứng dụng công nghệ số** giải quyết các vấn đề về phát triển bao trùm, bền vững mà Liên Hợp Quốc đã đề ra, **đảm bảo người dân không ai bị bỏ lại phía sau.**

**Phát triển công dân số toàn diện với đầy đủ nhận thức, công cụ và kỹ năng số cơ bản để tham gia an toàn, lành mạnh trên môi trường mạng.** Mỗi hộ gia đình một đường cáp quang băng rộng, mỗi người dân một điện thoại thông minh, một danh tính điện tử, một tài khoản thanh toán số, một tài khoản dịch vụ công trực tuyến, một phần mềm an toàn thông tin ở mức cơ bản, kỹ năng số cơ bản và một chữ ký số cá nhân. Ưu tiên nâng cao kỹ năng sử dụng công nghệ số trong vùng **đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Phát huy hiệu quả vai trò của Tổ Công nghệ số cộng đồng.**

**Tái cấu trúc lực lượng lao động; thực hiện đào tạo, đào tạo lại, đào tạo nâng cấp kỹ năng để lực lượng lao động thích nghi với thay đổi nhanh của công nghệ;** thay đổi mô hình đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng dựa trên công nghệ, có thể học mọi lúc, mọi nơi.

**Ban hành và kịp thời cập nhật khung, chuẩn kỹ năng số, thiết lập nền tảng học trực tuyến mở đại trà, cung cấp kiến thức, kỹ năng số cơ bản, miễn phí cho người dân; thúc đẩy phong trào học tập suốt đời.** Tạo điều kiện để mỗi người dân đều có điều kiện tiếp cận, được trang bị kỹ năng số cơ bản.

**Giảm thiểu các tác động tiêu cực mà công nghệ số mang lại tới môi trường, xã hội và người dân, đặc biệt tới đối tượng trẻ em, thanh thiếu niên và các đối tượng dễ bị tổn thương trên không gian mạng.**

## **9. Phát triển văn hóa số tích cực, lành mạnh và giữ gìn bản sắc dân tộc**

**Tạo dựng văn hóa số, giữ gìn bản sắc dân tộc Việt Nam và địa phương, vùng miền trên không gian số. Xây dựng và phát triển mạnh mẽ văn hóa lành mạnh trên không gian mạng, tăng cường cung cấp sản phẩm văn hóa số chất lượng cao, hướng dẫn các nền tảng khác nhau và đông đảo cộng đồng mạng sáng tạo và sản xuất các sản phẩm văn hóa số tích cực, lành mạnh và hướng thiện.**

Đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng các thành tựu tiên tiến của khoa học và công nghệ trong lĩnh vực văn hóa; xây dựng di sản văn hóa số; xây dựng văn hóa ứng xử trên môi trường số.

## **10. Xây dựng môi trường sinh thái số thông minh, gắn chuyển đổi số với chuyển đổi xanh**

Tăng cường ứng dụng công nghệ số để quản trị các hoạt động phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Xây dựng các **hệ thống, nền tảng thu thập, giám sát và quản lý tài nguyên, môi trường, hệ sinh thái thông minh và hiệu quả**; hệ thống thông tin địa lý (GIS) để lập bản đồ và phân tích dữ liệu, hỗ trợ các nỗ lực lập kế hoạch và bảo tồn.

Thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện, thực chất, hiệu quả nông nghiệp, nông thôn; phát triển hạ tầng xanh và thành phố thông minh; thúc đẩy xã hội tham gia lối sống thông minh và xanh.

## **11. Tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh mạng, giữ vững chủ quyền, bảo vệ quốc gia, bảo vệ chế độ trên không gian mạng**

Xây dựng, hoàn thiện các quy định, chính sách về an toàn, an ninh mạng, trọng tâm là bảo vệ **dữ liệu cá nhân**, bí mật kinh doanh, quy định về **cấu phần bắt buộc về an toàn, an ninh mạng trong đầu tư công nghệ thông tin, chuyển đổi số**; quy định về an toàn hạ tầng số, nền tảng số, về bảo hiểm an toàn, an ninh mạng, ...

**Bảo đảm khả năng phục hồi nhanh** cho hệ thống thông tin quan trọng, các nền tảng số, hạ tầng số quốc gia.

Gắn kết chặt chẽ chuyển đổi số với bảo đảm an toàn, an ninh mạng, bảo vệ hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu các bộ, ngành và địa phương. Tăng cường các biện pháp đảm bảo an toàn thông tin cho các hạ tầng thông tin quan trọng. Phát huy vai trò các lực lượng chuyên trách an toàn thông tin, bảo vệ an ninh mạng và bí mật nhà nước. Thực hiện cơ chế phối hợp chặt chẽ

giữa các lực lượng công an, quân đội, ngoại giao, cơ yếu, thông tin và truyền thông.

**Phát triển hệ sinh thái sản phẩm, dịch vụ an toàn, an ninh mạng Việt Nam**, gắn với làm chủ công nghệ, bảo vệ chủ quyền và bảo đảm an toàn, an ninh mạng các hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước. Ưu tiên sử dụng các sản phẩm công nghệ số, giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh mạng của các tổ chức, doanh nghiệp trong nước. Khuyến khích nhiều nhà sản xuất cùng tham gia phát triển, sáng tạo các sản phẩm giải pháp an toàn, an ninh mạng.

**Tăng cường giám sát ở quy mô quốc gia trên không gian mạng** để kịp thời phát hiện, cảnh báo sớm các nguy cơ mất an toàn, an ninh mạng cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân.

**Tăng cường bảo vệ và phát huy tối đa quyền cơ bản của con người** trong thời đại số; **bảo đảm độc lập, chủ quyền quốc gia trên không gian mạng**.

**Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức về an toàn thông tin** để cơ quan, tổ chức và người dân an toàn khi tham gia lên không gian số.

**12. Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, phát triển kinh tế số và xã hội số**

**Phát triển đại học số** để nhanh chóng tạo ra sự đột phá trong đào tạo nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số, đảm bảo đủ số lượng, chất lượng và trình độ đáp ứng đủ nhu cầu thị trường lao động và tiếp cận thị trường quốc tế.

**Thúc đẩy các cơ sở giáo dục đào tạo tăng cường kết hợp xây dựng, chia sẻ học liệu số; tổ chức cung cấp các khoá học trực tuyến mở đại trà MOOC (Massive Open Online Course) có khả năng cá nhân hoá theo đối tượng người học.**

**Hình thành mạng lưới chuyên gia**, nhà khoa học trong nước và quốc tế về công nghệ số, chuyển đổi số, an toàn, an ninh mạng.

**Xây dựng và triển khai chính sách, quy định thu hút nhân tài số quốc tế**, nhân tài số thuộc cộng đồng người Việt ở nước ngoài.

**Có chính sách thu hút, tuyển dụng và đãi ngộ nhân lực công nghệ số, chuyển đổi số, an toàn, an ninh mạng** có trình độ làm việc tại các cơ quan nhà nước, đảm bảo đủ về số lượng, hài hòa về cơ cấu, phù hợp theo đặc thù lĩnh vực, vùng, miền.

**13. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong quốc phòng, an ninh**

Số hóa, thông minh hóa, hiện đại hóa vũ khí, trang bị kỹ thuật quân sự, an

ninh mạng. Tăng cường ứng dụng công nghệ số, công nghệ quốc phòng mới trong các hệ thống chỉ huy, điều hành, quản lý lực lượng vũ trang; bảo đảm vũ khí, trang bị kỹ thuật theo hướng tự động hóa, góp phần thực hiện chính quy hóa, hiện đại hóa cho quốc phòng, an ninh; chủ động phòng ngừa từ sớm, từ xa chiến tranh mạng và chiến tranh điện tử.

Xây dựng, nâng cao tiềm lực về công nghệ, cơ sở vật chất và nhân lực bảo vệ an ninh mạng, đủ khả năng bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, bảo đảm an ninh mạng.

#### **14. Tăng cường hợp tác quốc tế**

Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong chuyển đổi số các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội và môi trường. Thực hiện có hiệu quả các hiệp định quốc tế về công nghệ thông tin, công nghệ số và chuyển đổi số.

Đẩy mạnh hợp tác, học tập kinh nghiệm quốc tế và tranh thủ sự giúp đỡ của các nước, các tổ chức quốc tế và các tập đoàn công nghệ thông tin, công nghệ số lớn của thế giới; thu hút đầu tư trực tiếp các tập đoàn mạnh về công nghiệp công nghệ số trên thế giới. Lập các cơ sở nghiên cứu về công nghệ số và chuyên gia những thành tựu công nghệ số hiện đại.

Xây dựng và hoàn thiện cơ chế sử dụng vốn vay và viện trợ nước ngoài để đầu tư có hiệu quả cho công nghiệp công nghệ số. Có cơ chế, chính sách, khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ra nước ngoài về công nghệ số.

Tăng cường hợp tác quốc tế đa phương, song phương; chủ động tham gia các tổ chức, hiệp hội quốc tế về xây dựng các quy tắc, tiêu chuẩn quốc tế về chuyển đổi số, dữ liệu và công nghiệp công nghệ số.

### **V- TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1.** Cấp ủy, tổ chức đảng các cấp tổ chức phổ biến, quán triệt, tuyên truyền nội dung Nghị quyết tới cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân; xây dựng các chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết.

**2.** Đảng đoàn Quốc hội lãnh đạo, chỉ đạo rà soát, sửa đổi, hoàn thiện pháp luật; tăng cường giám sát hoạt động chuyển đổi số quốc gia và xây dựng Việt Nam số; ban hành một số cơ chế thử nghiệm có kiểm soát; cơ chế đầu tư nền tảng số dùng chung để tạo thuận lợi và đẩy nhanh chuyển đổi số quốc gia, phát triển hạ tầng số; chỉ đạo xây dựng các chương trình, kế hoạch chuyển đổi số trong các cơ quan Quốc hội.

**3.** Ban cán sự đảng Chính phủ lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng chương trình hành động triển khai thực hiện Nghị quyết; chỉ đạo xây dựng, hoàn thiện chính

sách liên quan đến chuyển đổi số quốc gia; ưu tiên bố trí nguồn lực tài chính để thực hiện Nghị quyết; rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản dưới luật có liên quan đến chuyển đổi số quốc gia.

**4.** Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội xây dựng chương trình, kế hoạch hướng dẫn, vận động Nhân dân thực hiện Nghị quyết, phát huy vai trò phản biện xã hội, tham gia xây dựng pháp luật, cơ chế, chính sách về chuyển đổi số quốc gia.

**5.** Ban cán sự đảng Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức, hướng dẫn việc quán triệt thực hiện Nghị quyết; định kỳ sơ kết, tổng kết việc thực hiện, báo cáo Bộ Chính trị.

Nơi nhận:

- Các tỉnh uỷ, thành uỷ,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương,
- Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh,
- Các đảng uỷ đơn vị sự nghiệp Trung ương,
- Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

**T/M BỘ CHÍNH TRỊ**  
**TỔNG BÍ THƯ**

**Tô Lâm**